TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG SƠN** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2017/HNGĐ - ST Ngày 29/8/2017 V/v hủy kết hôn trái pháp luật	*Lương Sơn, ngày 29 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN - HÒA BÌNH

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Kim Trường

Thư ký phiên họp: Ông Kiều Quang Dự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Tân Hòa - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2017/TLST - HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo quyết định mở phiên họp số: 01/2017/QĐPHST - HNGĐ, ngày 18/ 8/2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh: Nguyễn Đức H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 03, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện M, TP Hà Nội

Văn bản ủy quyền số: 441 ngày 28/7/2017

2. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị: Nguyễn Thu H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Xóm Đ, xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình

- Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Địa chỉ: Xã K, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Người đại diện: Ông Bùi Minh B - Chủ tịch UBND xã (Có đơn xin vắng mặt)

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Anh Nguyễn Đức H yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa cha đẻ anh là Nguyễn Đức T, sinh năm 1964; HKTT: Xã A, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) và chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1971; HKTT: Thôn Đ, xã K, huyện K (nay thuộc huyện L) tỉnh Hòa Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào ý kiến của các bên tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn nhận định:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1964 (chết năm 2017) có HKTT: Xã A, huyện M, tỉnh Hà Tây (nay thuộc TP Hà Nội) và chị Nguyễn Thị T, trú tại: Xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Hà Tây tháng 9/1985. Như vậy, anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959.

Ngày 21/4/2008 anh Nguyễn Đức T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Tây giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Tại bản án số: 03/2008/HNGĐ - ST, ngày 21/5/2008 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Tây xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T, bản án có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T chính thức chấm dứt quan hệ hôn nhân. Như vậy, thời kỳ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T từ tháng 9/1985 đến khi bản án ly hôn năm 2008 có hiệu lực pháp luật, là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T, ngày 10/7/1996 anh Nguyễn Đức T, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thu H tại Ủy ban nhân xã K. Việc anh T kết hôn với chị H trong khi đang tồn tại hôn nhân hợp pháp giữa anh T và chị T là kết hôn trái pháp luật, vi phạm điểm a, Điều 7 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Quá trình xác minh giải quyết việc dân sự, UBND xã K và ông Nguyễn Văn T, năm 1996 là Phó chủ tịch UBND xã K là người ký giấy đăng ký kết hôn cho anh T và chị H trình bày: Khi chị H và anh T đến UBND xã làm thủ tục đăng ký

kết hôn, do quen biết nên xã đã không xác minh tình trạng hôn nhân của anh T dẫn đến đăng ký hôn nhân trái pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét hủy hôn nhân trái pháp luật của anh T và chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ việc và tại phiên họp hôm nay, chị Nguyễn Thu H cũng thừa nhận việc kết hôn giữa chị với anh Nguyễn Đức T năm 1996 là trái pháp luật nhưng chị đề nghị Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC – VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp để công nhận hôn nhân giữa chị và anh T từ năm 2008 (thời điểm anh T và chị T ly hôn). Tòa án xét thấy, hiện nay anh T đã chết, chỉ có mình chị H có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T, như vậy không thỏa mãn yếu tố "hai bên kết hôn cùng yêu cầu" theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC – VKSNDTC-BTP. Do vậy, không có cơ sở để chấp đề nghị công nhận hôn nhân giữa chị H và anh T. Trong trường hợp có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật theo điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC – VKSNDTC-BTP.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thu H kết hôn năm 1996 trong khi hôn nhân hợp pháp của anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thị T đang tồn tại là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Việc kết hôn giữa anh T và chị H là trái luật, đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn giữa anh T và chị H.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật của anh Nguyễn Đức H là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a Điều 7, Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Căn cứ khoản 6 Điều 3, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 369 và Điều 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đức H: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Đức T và chị Nguyễn Thu H.

2. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức H không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người vắng mặt tại phiên họp kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lương Sơn;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kim Trường